**LIÊN BANG NGA 2**

**Câu 1:** Năm 2005,dân số nước Nga là

**A.** 142 triệu người.

**B.** 143 triệu người.

**C.** 124 triệu người.

**D.** 134 triệu người.

**Câu 2:** Là một nước đông dân,năm 2005 dân số của Liên bang Nga đứng

**A.** Thứ năm trên thếgiới.

**B.** Thứ sáu trên thế giới.

**C.** Thứ bảy trên thế giới.

**D.** Thứ tám trên thế giới.

**Câu 3:** Người dân Nga có trình độ học vấn khá cao,tỉ lệ biết chữ hiện nay là

**A.** 87%

**B.** 88%

**C.** 98%

**D.** 99%

**Câu 4:** Đứng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản là

**A.** Hoa Kỳ.

**B.** Liên bang NgA.

**C.** Pháp.

**D.** Nhật.

**Câu 5:** Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX,so với toàn Liên Xô tỉ trọng sản xuất lương thực của Liên bang Nga chiếm

**A.** trên 41%.

**B.** trên 51%.

**C.** trên 54%.

**D.** trên 56%.

**Câu 6:** Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX,so với toàn Liên Xô,tỉ trọng ngành công nghiệp gỗ,giấy và xenlulô của Liên bang Nga chiếm

**A.** 80%

**B.** 85%

**C.** 90%

**D.** 95%

**Câu 7:** Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX,so với toàn Liên Xô,tỉ trọng các ngành công nghiệp của Liên bang Nga chiếm trên 80% là

**A.** than đá,dầu mỏ,khí tự nhiên.

**B.** dầu mỏ,khí tự nhiên,điện.

**C.** khí tự nhiên,điện,thép.

**D.** D.ầu mỏ,khí tự nhiên,gỗ-giấy và xenlulô.

**Câu 8:** « Cộng đồng các quốc gia độc lập – SNG » được thành lập vào

**A.** đầu năm 1990.

**B.** cuối năm 1990.

**C.** đầu năm 1991.

**D.** cuối năm 1991.

**Câu 9:** Chiến lược kinh tế mới đang đưa nền kinh tế nước Nga trở lại vị trí cường quốc được thực hiện từ

**A.** đầu năm 2000.

**B.** giữa năm 2000.

**C.** cuối năm 2000.

**D.** đầu năm 2001.

**Câu 10:** Nhận định không đúng về thành tựu của nền kinh tế Nga sau năm 2000 là

**A.** sản lượng các ngành kinh tế tăng,tăng trưởng kinh tế cao.

**B.** dự trữ ngoại tệ đúng thứ ba thế giới

**C.** đã thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài từ thời Xô-Viết.

**D.** đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

**Câu 11:** Nhận xét không chính xác về tình hình tăng trưởng GDP của Liên bang Nga thời kỳ 1990-2005 là

**A.** giai đoạn 1990-1998 liên tục tăng trưởng âm.

**B.** giai đoạn 1999-2005 liên tục tăng trưởng ở mức cao.

**C.** GDP tụt giảm mạnh nhất vào năm 1998.

**D.** GDP tăng trưởng cao nhất vào năm 2000.

**Câu 12:** Năm 2000 tốc độ tăng trưởng GDP của nước Nga đạt giá trị cao nhất trong thời kỳ 1990-2005 và đạtA.8%

**B.** 9%

**C.** 10%

**D.** 11%

**Câu 13:** Năm 1998 GDP của nước Nga tụt giảm mạnh nhất trong thời kỳ 1990- 1998 và giảm

**A.** 3,5%

**B.** 3,6%

**C.** 4,1%

**D.** 4,9%

**Câu 14:** Trong thời kỳ 1990-1998 chỉ có một năm duy nhất nền kinh tế nước Nga đạt giá trị tăng trưởng dương và tăng 0,9% là

**A.** năm 1995.

**B.** năm 1996.

**C.** năm 1997.

**D.** năm 1998.

**Câu 15:** Nhận xét đúng nhất về vai trò và đặc điểm của nền công nghiệp Liên bang Nga là

**A.** là xương sống của nền kinh tế Liên bang NgA.

**B.** cơ cấu ngành công nghiệp ngày đơn điệu.

**C.** chủ yếu phát triển các ngành công nghiệp truyền thống.

**D.** đầu tư các ngành CN nặng.

**Câu 16:** Ngành công nghiệp được coi là ngành kinh tế mũi mhọn của Liên bang Nga,hàng năm mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn là

**A.** công nghiệp khai thác dầu khí.

**B.** công nghiệp khai thác than.

**C.** công nghiệp điện lự

**D.** công nghiệp luyện kim.

**Câu 17:** Vùng **không phải** là nơi khai thác dầu tập trung của nước Nga là

**A.** Đồng bằng Tây Xi-biA.

**B.** Đồng bằng Đông Âu.

**C.** vùng núi Đông Xi-biA.

**D.** vùng núi Uran và biển Caxpi.

**Câu 18:** Liên bang Nga đứng đầu thế giới về sản lượng khai thác dầu mỏ và khí tự nhiên vào năm

**A.** 2004

**B.** 2005

**C.** 2006

**D.** 2007

**Câu 19:** Trong thời kỳ 1995-2005,ngành công nghiệp của nước Nga không tăng liên tục và còn biến động là

**A.** dầu mỏ.

**B.** than.

**C.** điện.

**D.** giấy.

**Câu 20:** Từ lâu, Liên bang Nga đã được coi là cường quốc về

**A.** công nghiệp luyện kim của thế giới. **B.** công nghiệp vũ trụ, nguyên tử của thế giới.

**C.** công nghiệp chế tạo máy của thế giới. **D.** công nghiệp dệt của thế giới.

**Câu 21:** Trong các ngành công nghiệp sau, ngành được coi là thế mạnh của Liên bang Nga là

**A.** công nghiệp luyện kim. **B.** công nghiệp chế tạo máy.

**C.** công nghiệp quân sự. **D.** công nghiệp chế biến thực phẩm.

**Câu 22:** Hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Liên bang Nga là

**A.** cây ăn quả và rau. **B.** sản phẩm cây công nghiệp.

**C.** sản phẩm chăn nuôi. **D.** lương thực.

**Câu 23:** Ngành chăn nuôi hươu và thú có lông quý của Liên bang Nga phân bố ở

**A.** phía Bắc Xia bia. **B.** Đồng bằng Đông Âu.

**C.** Đồng bằng Tây Xia bia. **D.** vùng Đông Xia bia.

**Câu 24:** Nhận xét đúng nhất về sự phân bố cây lương thực và củ cải đường của Liên bang Nga là

**A.** Đồng bằng Tây Xia bia và cao nguyên Trung Xi bia.

**B.** Đồng bằng Đông Âu và Đồng bằng Tây Xi bia.

**C.** Đồng bằng Đông Âu và cao nguyên Trung Xi bia.

**D.** Đồng bằng Đông Âu và phía nam Đồng bằng Tây Xi bia.

**Câu 25:** Nhận xét đúng nhất về sự phân bố ngành chăn nuôi của Liên bang Nga là ở

**A.** phía nam Đồng bằng Đông Âu và nam vùng Xi bia.

**B.** phía tây Đồng bằng Đông Âu và vùng Viễn Đông.

**C.** vùng cao nguyên Trung Xi bia và Đồng bằng Đông Âu.

**D.** phía nam vùng Xi bia và phía bắc Đồng bằng Đông Âu.

**Câu 26:** Sản lượng lương thực của Liên bang Nga năm 2005 đạt

**A.** trên 75 triệu tấn. **B.** trên 76 triệu tấn. **C.** trên 77 triệu tấn. **D.** trên 78 triệu tấn.

**Câu 27:** Nhận xét đúng về ngành sản xuất lương thực của Liên bang Nga thời kỳ 1995-2005 là

**A.** sản xuất lương thực liên tục tăng.

**B.** sản xuất lương thực liên tục giảm.

**C.** sản xuất lương thực liên tục giảm và có biến động.

**D.** sản xuất lương thực liên tục tăng và có biến động.

**Câu 28:** Rừng của Liên bang Nga phân bố tập trung ở

**A.** phần lãnh thổ phía Tây. **B.** vùng núi U-ran.

**C.** phần lãnh thổ phía Đông. **D.** Đồng bằng Tây Xi bía.

**Câu 29:** Đóng vai trò quan trọng nhất để phát triển kinh tế vùng Đông Xia bia của nước Nga thuộc về loại hình vận tải

**A.** đường ôtô. **B.** đường sông. **C.** đường sắt. **D.** đường biển.

**Câu 30:** Nhận xét **không chính xác** về ngành giao thông vận tải của Liên bang Nga là

**A.** Liên bang Nga có hệ thống giao thông vận tải tương đối phát triển với đủ các loại hình.

**B.** vai trò quan trọng trong phát triển vùng đông Xi bia thuộc về hệ thống vận tải đường ôtô.

**C.** thủ đô Mátcơva nổi tiếng thế giới về hệ thống đường xe điện ngầm.

**D.** gần đây nhiều hệ thống đường giao thông được nâng cấp, mở rộng.

**Câu 31:** Hệ thống đường sắt xuyên Xi bia và đường sắt BAM đóng vai trò quan trọng để phát triển vùng

**A.** Tây Xi bia. **B.** Đông Xi bia. **C.** U-ran. **D.** Bắc. **Á.**

**Câu 32:** Nhận xét không đúng về ngành ngoại thương của Liên bang Nga là

**A.** những năm gần đây, tổng kim nngạch ngoại thương liên tục tăng.

**B.** Liên bang Nga hiện đã là nước xuất siêu.

**C.** năm 2005, giá trị xuất siêu của Liên bang Nga đạt 120 tỉ US**D.**

**D.** trong cơ cấu hàng xuất khẩu, nguyên liệu và năng lượng chiếm tới 50% tỉ trọng hàng xuất khẩu.

**Câu 33:** Nhận xét **không chính** xác về các ngành dịch vụ của Liên bang Nga là

**A.** Liên bang Nga có hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông tương đối phát triển với đủ các loại hình.

**B.** kinh tế đối ngoại là ngành khá quan trọng trong nền kinh tế Liên bang Nga.

**C.** Liên bang Nga có nhiều tiềm năng du lịch, nguồn thu từ ngành này đạt 15 tỉ USD vào năm 2005.

**D.** Mát-xcơ-va và Xanh Pê-téc-bua là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất của nước Nga.

**Câu 34:** Trong 4 vùng kinh tế quan trọng sau đây của Liên bang Nga, vùng kinh tế lâu đời và phát triển nhất là

**A.** Vùng Trung ương. **B.** Vùng Trung tâm đất đen.

**C.** Vùng U-ran. **D.** Vùng Viễn Đông.

**Câu 35:** Vùng kinh tế giàu tài nguyên, công nghiệp phát triển (khai thác kim loại màu, luyện kim, cơ khí, hóa chất, chế biến gỗ, khai thác và chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên) nhưng nông nghiệp còn hạn chế là

**A.** Vùng Trung ương. **B.** Vùng Trung tâm đất đen.

**C.** Vùng Uran. **D.** Vùng Viễn Đông.

**Câu 36:** Vùng kinh tế giàu tài nguyên, phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, gỗ, đóng tàu, cơ khí, đánh bắt và chế biến cá của Liên bang Nga là

**A.** Vùng Trung ương. **B.** Vùng Trung tâm đất đen.

**C.** Vùng U-ran. **D.** Vùng Viễn Đông.

**Câu 37:** Vùng kinh tế quan trọng sẽ phát triển để nền kinh tế Liên bang Nga hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương là

**A.** Vùng Trung ương. **B.** Vùng Trung tâm đất đen.

**C.** Vùng U-ran. **D.** Vùng Viễn Đông.

**Câu 38:** Vùng kinh tế quan trọng tập trung nhiều ngành công nghiệp và cung cấp lương thực, thực phẩm lớn của Liên bang Nga là

**A.** Vùng Trung ương. **B.** Vùng Trung tâm đất đen.

**C.** Vùng Uran. **D.** Vùng Viễn Đông.

**Câu 39:** Kim ngạch buôn bán hai chiều Nga-Việt vào năm 2005 đạt

**A.** 1,1 tỉ US**D.** **B.** 1,2 tỉ US**D.** **C.** 1,3 tỉ US**D.** **D.** 1,4 tỉ US**D.**

**Câu 40:** Trong các khoáng sản sau đây, loại khoáng sản mà Liên bang Nga có trữ lượng đứng thứ bảy thế giới là

A. Than đá.                B. Dầu mỏ. C. Khí tự nhiên.         D. Quặng sắt.

------------------------------------------